

14	303	Hộ ông: Hồ Thanh Châu	GDC	610,5	BHK	610,5	HNK
14	304	Hộ ông: Lâm Đình Dân	GDC	501,7	BHK	501,7	HNK
14	305	Hộ ông: Nguyễn Thìn	GDC	983,9	BHK	983,9	HNK
14	306	Hộ bà: Huỳnh Thị Sừu	GDC	530,9	BHK	530,9	HNK
14	307	Hộ bà: Nguyễn Thị Lan	GDC	902,6	BHK	902,6	HNK
14	308	Hộ ông: Nguyễn Hồng Thái	GDC	641,4	BHK		
14	309	Hộ bà: Trương Thị Bích Thu	GDC	466,4	BHK	466,4	HNK
14	310	Hộ ông: Võ Hồng Sinh	GDC	1089,1	BHK	1089,1	HNK
14	311	Hộ ông: Nguyễn Tấn Độ	GDC	1072,4	BHK	1072,4	HNK
14	312	UBND thị trấn	UBQ	28439,2	SON		
14	313	UBND thị trấn	UBQ	183,9	DGT		
14	314	Hộ ông: Phạm Văn Thành	GDC	347,3	BHK		
14	315	Hộ ông: Trần Sáu	GDC	500,7	BHK		
14	316	Hộ bà: Nguyễn Thị Na	GDC	445,4	BHK		
14	317	UBND thị trấn	TCN	343,8	BHK		
14	318	Hộ ông: Võ Hồng Sinh	GDC	985,2	BHK		
14	319	Hộ ông: Võ Hồng Phương	GDC	1683,8	BHK	1683,8	HNK
14	320	Hộ ông: Trần Toại	GDC	1101,5	BHK	1101,5	HNK
14	321	UBND thị trấn	UBQ	186,3	DGT		
14	322	Hộ bà: Hồ Thị Tân	GDC	707,2	BHK	707,2	HNK
14	323	Hộ ông: Nguyễn Tấn Sỹ	GDC	712,8	BHK	712,8	HNK
14	324	Hộ ông: Đặng Đình Thành	GDC	552,6	BHK	552,6	HNK
14	325	Hộ ông: Nguyễn Văn Đồng	GDC	766,5	BHK	766,5	HNK
14	326	Hộ bà: Bùi Thị Bường	GDC	379,5	BHK	379,5	HNK
14	327	Hộ bà: Võ Thị Hào	GDC	390,5	BHK		
14	328	Hộ bà: Nguyễn Thị Mỹ	GDC	388,8	BHK	388,8	HNK
14	329	Hộ ông: Lương Văn Dũng	GDC	357,2	BHK	357,2	HNK
14	330	Hộ ông: Nguyễn Vinh	GDC	264,5	BHK	264,5	HNK
14	331	Hộ bà: Tôn Thị Kim Anh	GDC	834,6	BHK	834,6	HNK
14	332	Hộ ông: Hồ Thanh Châu	GDC	600,8	BHK	600,8	HNK
14	333	Hộ ông: Lê Văn Lại	GDC	1023,7	BHK	1023,7	HNK
14	334	Hộ ông: Nguyễn Tấn Độ	GDC	639,3	BHK	639,3	HNK
14	335	Hộ ông: Đặng Duy Nhật	GDC	978,1	BHK	978,1	HNK
14	336	Hộ bà: Nguyễn Thị Tư	GDC	1380,0	BHK	1380,0	HNK
14	337	Hộ ông: Võ Tấn Anh	GDC	1225,6	BHK		
14	338	Hộ ông: Bùi Văn Năm	GDC	932,4	BHK	932,4	HNK
14	339	UBND thị trấn	TCN	237,5	BHK		
14	340	UBND thị trấn	TCN	448,2	BHK		
14	341	UBND thị trấn	UBQ	6,9	BCS		
14	342	Hộ bà: Trần Thị Nạy	GDC	764,5	LUC	764,5	LUC*
14	343	UBND thị trấn	TCN	195,0	BHK		
14	344	Hộ ông: Bùi Văn	GDC	1832,7	BHK		
14	345	Hộ bà: Nguyễn Thị Chúc	GDC	892,7	BHK	892,7	HNK
14	346	Hộ bà: Võ Thị Xuân Hào	GDC	357,2	BHK		
14	347	Hộ ông: Vỵ Văn Ninh	GDC	736,7	BHK	736,7	HNK

Tờ bản đồ số	Thửa đất số	Tên người sử dụng, quản lý đất	Mã đối tượng sử dụng, quản lý đất	Hiện trạng sử dụng đất		Giấy tờ pháp lý về QSDĐ	
				Diện tích (m ²)	Loại đất	Diện tích (m ²)	Loại đất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
14	348	Hộ ông: Trương Quang Long	GDC	1500,8	BHK	1500,8	HNK
14	349	UBND thị trấn	TCN	231,0	BHK		
14	350	Hộ bà: Lê Thị Huệ	GDC	396,8	BHK	396,8	HNK
14	351	Hộ ông: Lê Nam	GDC	563,3	BHK	563,3	HNK
14	352	Hộ ông: Vỵ Ngọc Thi	GDC	1279,2	BHK	1279,2	HNK
14	353	Hộ ông: Nguyễn Kỳ	GDC	932,9	BHK	932,9	HNK
14	354	UBND thị trấn	TCN	274,5	BHK		
14	355	Hộ ông: Lê Nam	GDC	270,2	BHK	270,2	HNK
14	356	Hộ ông: Đỗ Quang Trung	GDC	278,0	BHK		
14	357	Hộ ông: Vỵ Văn Ninh	GDC	657,6	BHK	657,6	HNK